TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Nhanh.
2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Phương D - Sinh năm 1993 - Địa chỉ: số 40, ấp M, xã N, huyện I, tỉnh Long An. (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Quang V - Sinh năm 1986 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2018, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Phương D trình bày: Bà và ông Trần Quang V xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Long An. Qúa trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cải vả. Ly thân từ ngày 24/6/2018 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Quang V.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh E, sinh ngày 10/5/2016, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung,

yêu cầu ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/9/2018 bị đơn ông Trần Quang V trình bày và yêu cầu: Ông thống một phần trình bày của bà D về ngày tháng và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, việc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Thời gian xảy ra mâu thuẫn là từ tháng 5/2018 và ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Về nuôi con chung: Ông thống nhất giữa ông và bà D có một con chung tên Trần Minh E, sinh ngày 10/5/2016, hiện đang sống với bà D. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu Tòa án giải quyết cho bà D được quyền trực tiếp nuôi con chung thì ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn bà D, bị đơn ông V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Phương D khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Quang V, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Phương D, bị đơn ông Trần Quang V vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét đơn khởi kiện của bà D theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Bà Nguyễn Phương D và ông Trần Quang V chung sống có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2015 tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông V là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét việc thuận tình ly hôn giữa bà D và ông V, Hội đồng xét xử nhận định: Bà D và ông V đều không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về nguyên nhân mâu thuẫn, tuy nhiên xét cả hai đã thống nhất vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân và hiện tại vẫn sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa bà D và ông V đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà D và ông V thuận tình ly hôn là tự nguyện,

phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà D và ông V đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trần Minh E, sinh ngày 10/5/2016, hiện đang sống với bà D. Xét con chung dưới 36 tháng tuổi nên giao cho mẹ nuôi là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Xét về cấp dưỡng nuôi con, đồng thời xét yêu cầu của bà D và ông V: Bà D yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Ông V không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Bà D không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh các chi phí cho nhu cầu thiết yêu của con chung cũng như thu nhập của ông V. Xét bình quân nhu cầu thiết yếu của con chung, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, chấp nhận một phần yêu cầu của bà D, buộc ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trần Minh E mỗi tháng 695.000 đồng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: bà D và ông V trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[9] Bà D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà D đã nộp đủ án phí.

[10] Ông V có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 55, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Phương D được ly hôn với ông Trần Quang V.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Phương D được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Minh E, sinh ngày 10/5/2016, hiện đang sống với bà D. Ông Trần Quang V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 695.000 đồng (sáu trăm

chín mươi lăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông V được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà D và ông V có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Phương D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0008469 ngày 04/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Trần Quang V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Gái

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện C (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.